

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trà Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Ông Nguyễn Văn Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Văn Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tống Văn N, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 582 LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ dân phố TTT B, phường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20-01-2020, bản tự khai ngày 31-3-2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tống Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 15-10-2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách khác nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Bùi Thị Bích T.

- Về con chung: Ông Tống Văn N và bà Bùi Thị Bích T có 02 con chung là Tống Vĩnh T, sinh ngày 05-8-2003 và Tống Vĩnh K, sinh ngày 06-3-2011, khi ly hôn ông yêu cầu giao cháu T cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu K giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 16-6-2020, bị đơn bà Bùi Thị Bích T trình bày:

Đồng ý ly hôn với ông Tống Văn N, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án như:

- Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo Điều 28 BLTTDS.

- Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: Đúng quy định.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ thời điểm thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn: Chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: Chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn ông Tống Văn N về việc yêu cầu ly hôn bà Bùi Thị Bích T.

- Về con chung: Giao ông Tống Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tống Vĩnh T, giao cháu Tống Vĩnh K cho bà Bùi Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Tống Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị Bích T đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt nhưng bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Văn N và bà Bùi Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 15-10-2001 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách khác nhau, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, ông N yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Bích T. Tại bản tự khai ngày 16-6-2020, bà T đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ông Tống Văn N ly hôn với bà Bùi Thị Bích T.

[3] Về con chung: Ông Tống Văn N và bà Bùi Thị Bích T có 02 con chung là Tống Vĩnh T, sinh ngày 05-8-2003 và Tống Vĩnh K, sinh ngày 06-3-2011, cháu T đang ở với ông N, còn cháu K đang ở với bà T, hiện nay 02 cháu T và cháu K sức khỏe vẫn tốt, đi học bình thường. Ông N, bà T đều có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để mỗi người nuôi mỗi con. Ngoài ra, cháu T có nguyện vọng ở với ông N, còn cháu K có nguyện vọng ở bà T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của hai con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N, giao cháu T cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu K giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N phải chịu 300.000 đồng nhưng đã nộp tạm ứng án phí nên được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Văn N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Văn N ly hôn với bà Bùi Thị Bích T.

2/ Về con chung: Ông Tống Văn N và bà Bùi Thị Bích T có 02 con chung là Tống Vĩnh T, sinh ngày 05-8-2003 và Tống Vĩnh K, sinh ngày 06-3-2011, giao cháu Tống Vĩnh T cho ông Tống Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Tống Vĩnh K giao cho bà Bùi Thị Bích T chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tống Văn N phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003269 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND P. Đập Đá, TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Trà Thanh Tùng**